

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1870/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18/12/2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Nhung**

2. Bà **Lê Vũ Thúy Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 521/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6011/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Minh Q**, sinh năm 1988

Địa chỉ: 60/4 Đường V, Phường 3, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà **Phan Thị Hồng N**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Vancouver BC V5H 2H9 Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20/9/2018 và bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Minh Q trình bày:

Ông và bà Phan Thị Hồng N có đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 01 tháng thì bà N quay trở về Canada. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau và bà N có làm hồ sơ bảo lãnh ông qua Canada. Do ông đi phỏng vấn không thành công nên vợ chồng không thể đoàn tụ ở Canada. Lúc này, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, liên lạc ít dần và tình cảm cũng không còn như trước. Đến tháng 6/2016 hai bên không còn liên lạc với nhau. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn tiếp tục duy trì hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại Văn bản ý kiến ngày 15/11/2018 của bị đơn bà Phan Thị Hồng N được Tổng Lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Vancouver, Canada chứng thực chữ ký ngày 15/11/2018 có nội dung như sau:

Bà xác nhận có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Minh Q tại Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 06/04/2012.

Hiện bà đang sống tại Canada, không về Việt Nam, cũng không bảo lãnh cho ông Q sang Canada cùng sinh sống được. Do vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm không còn, bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Minh Q.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung : không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Q đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn bà Phan Thị Hồng N cư trú tại Canada; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Q, bị đơn bà Phan Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Ông Nguyễn Minh Q và bà Phan Thị Hồng N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2012, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 1136, quyển số 06 ngày 06/4/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của ông Nguyễn Minh Q thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc bình thường. Sau đó bà Phan Thị Hồng N quay trở về Canada còn ông ở lại Việt Nam. Do vợ chồng không được sống chung gần nhau, không còn quan điểm chung. Giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn, xa mặt cách lòng khiến cho hai bên cắt đứt liên lạc với nhau từ tháng 6/2016 cho đến nay. Bà N cũng không bảo lãnh cho ông Q qua Canada để đoàn tụ. Ông xác định không còn tình cảm với vợ, vợ chồng không thể tiếp tục đời

sống chung. Lời khai bà Phan Thị Hồng N cũng xác nhận do vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đồng ý ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của ông Q là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 475; Điều 478; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Q;

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh Q được ly hôn bà Phan Thị Hồng N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 1136, quyền số 06 ngày 06/4/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Minh Q nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cần trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Q đã nộp tại Biên lai thu số AA/2017/0049906 ngày 12/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông Q đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn ông Nguyễn Minh Q và bị đơn bà Phan Thị Hồng N; ông Nguyễn Minh Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, bà Phan Thị Hồng N được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nhung

Lê Vũ Thúy Hằng

Trần Thị Nhung



Nguyễn Minh Quân

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nhung

Lê Vũ Thúy Hằng

Trần Thị Nhung

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

377-HNST-18/18



Bùi Quốc Thắng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thiều Đình Thu

Nguyễn Văn Tính

Trần Thị Nhung